

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Y Dim Kbuôr - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 370/2021/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/4/2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Thế C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/8/2011.

Sau khi về chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng tôi sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2020 vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã nhau, ông C thường sử dụng bạo lực đánh đập tôi. Mặc dù, cả hai đã cố gắng thay đổi để hòa hợp hơn cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân của vợ

chồng tôi không thể cứu vãn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông C tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; cháu Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; cháu Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thế C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/8/2011.

Sau khi về chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 10/2020 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã nhau. Ông C xác định giữa ông C và bà T có mâu thuẫn từ năm 2020, ông C có đánh đập bà T, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn với ông C thì ông C không đồng ý, nguyện vọng của ông C mong muốn bà T cho ông C thời gian để sửa chữa lỗi lầm của mình, để gia đình được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung cháu: Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018; Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012. Nếu phải ly hôn thì ông C đồng ý giao 03 cháu cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung cháu: Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018; Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012, với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Thế C.

Về con chung: Giao 03 con chung: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Thế C cấp dưỡng nuôi 03 con chung: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018 số tiền 3.000.000đ/tháng/cháu. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng (ngày 01), thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Thế C có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136 cấp ngày 04 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông C thừa nhận vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra xung đột cãi vã nhau, đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Ông C xác định giữa ông C và bà T có mâu thuẫn từ năm 2020, ông C có đánh đập bà T. Tuy nhiên, bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông C không

đồng ý, nguyện vọng của ông C mong muốn bà T cho ông C thời gian để sửa chữa lỗi lầm, để gia đình được đoàn tụ.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Quá trình chung sống giữa ông C và bà T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được vì ông C và bà T không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Tuy nhiên, hiện nay ông C và bà T đã sống ly thân, bà T đã đưa các con về sinh sống cùng bên nhà ngoại.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”*

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng ông C và bà T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Giữa ông C và bà T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020, ông C đã có hành vi đánh đập bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông C đã trầm trọng, có tồn tại bạo lực gia đình, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện và cho bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông C có 03 con chung là cháu: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018.

Hiện tại, các cháu đang ở với bà T và nguyện vọng của bà T là được nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ông C trình bày nếu phải ly hôn thì ông C đồng ý giao 03 cháu cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, nguyện vọng của bà T là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Trần Thế C được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Trần Thế C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại biên bản hòa giải ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà T: Buộc ông Trần Thế C cấp dưỡng nuôi 03 con chung: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018 số tiền 3.000.000đ/tháng/cháu. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng (ngày 01), thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, ông Trần Thế C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Thế C.

Về con chung: Giao 03 con chung: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018, cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ông Trần Thế C được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Trần Thế C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết

các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Thế C cấp dưỡng nuôi 03 con chung: Trần Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/3/2012; Trần Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 29/02/2016; Trần Khiết A, sinh ngày 06/5/2018 số tiền 3.000.000đ/tháng/cháu. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng (ngày 01), thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006418 ngày 25/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Thế C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Huyền Trang**